

Bản án số: 462/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 28-7- 2022
V/v tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Phước Mãng

2/ Ông Hoàng Hữu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1976; địa chỉ: 22 đường số J, Khu dân cư HT 3, phường H, Thành phố M, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1981; địa chỉ: 24/8 đường K, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/9/2019 do Văn phòng công chứng H chứng nhận) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989; địa chỉ: 78/1A đường B, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Quang V, sinh năm: 1962 (có mặt)

2/ Bà Vũ Thị T, sinh năm: 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 78/1A đường B, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018, các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2010 và có một con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 16/10/2012. Năm 2013, ông và bà T ly hôn theo bản án sơ thẩm số 54/2013/HNGĐ-ST ngày 21/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh B. Theo bản án ly hôn thì trẻ H sẽ giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ông có trách nhiệm cấp dưỡng cho trẻ H cho đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Ngoài ra, bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông đến thăm nom, chăm sóc trẻ H. Tuy nhiên, từ khi trẻ H vào nhà trẻ học và đi học (từ năm 2015) thì bà T và gia đình bà T cản trở dùng những lời nói, hành động, cử chỉ xúc phạm nặng nề đến ông và cấm đoán không cho ông gặp trẻ H.

Về phía trẻ H, bà T không chăm sóc, nuôi dưỡng mà giao phó hết trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H cho bên ngoài nhưng bên ngoài chỉ lo buôn bán, kinh doanh dẫn đến việc chăm sóc trẻ H không đầy đủ, lơ là về mọi mặt từ ăn uống, nuôi dạy đến sự phát triển của trẻ, đã ảnh hưởng không ít về tâm sinh lý phát triển của trẻ H cả về thể chất lẫn tinh thần.

Hiện ông là Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng H có trụ sở tại tỉnh B và thêm hai chi nhánh ở tỉnh T và tỉnh C. Ngoài lĩnh vực hoạt động về tư vấn, thiết kế xây dựng ông còn kinh doanh bất động sản. Hơn nữa, công việc kinh doanh của công ty cũng đã đi vào nề nếp và ông chỉ điều hành, chỉ đạo việc kinh doanh. Ông có đủ khả năng về tài chính, thời gian để bên cạnh chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ H.

Tại bản án số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6 và bản án số 901/2019/HN-PT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định cho ông được quyền nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Gia H

Hiện trẻ H đã 09 (chín) tuổi vì vậy ông tôn trọng quyền quyết định của trẻ H về việc muốn sống chung với ông hay với bà T. Trong trường hợp trẻ H có nguyện vọng sống chung với bà T thì ông yêu cầu bà T và gia đình bà T không được cản trở việc ông đến thăm trẻ H và phải chấp nhận các yêu cầu sau đây của ông:

- Phải cho trẻ H học trường Quốc tế do ông chỉ định.
- Mỗi tuần hoặc hai tuần ông được quyền đón trẻ H về nhà ông. Ông sẽ đón trẻ H ở trường và đưa bé đến trường sau khi đi học lại.
- Vào các ngày lễ, tết, nghỉ hè, đám tiệc, thăm ông bà bên nội, các ngày nghỉ khác...ông được quyền rước trẻ H về nhà ông.

Nếu bà T không chấp nhận các yêu cầu trên của ông thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông được nuôi trẻ Gia H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Theo bản án sơ thẩm số 54/2013/HNGĐ-ST ngày 21/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh B đã giao trẻ Gia H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho đến khi trẻ trưởng thành.

Sau khi ly hôn, bà và trẻ H về nhà cha mẹ ruột sống. Sau khi ly hôn bà vẫn tạo điều kiện cho ông D được thăm con và đưa đón trẻ về nhà ông D vào các dịp lễ, tết. Vào những ngày tết bà đều cho trẻ H ở lại nhà ông D chơi đến hết tết mới trả cháu H cho bà. Cuối tuần ông D đến đón trẻ H về nhà chơi bà đều đồng ý và tạo điều kiện cho ông D và trẻ H được gần gũi với nhau. Tuy nhiên, thời gian sau khi ông D đến đón cháu về nhà chơi thì cháu H rất sợ và khóc không muốn theo ông D về nhà. Bà có hỏi nguyên nhân thì trẻ H có nói với bà là khi về ở với ba ở tỉnh B thì có khi ba để bé ở nhà một mình, không có ai chơi với bé nên bé rất sợ. Tuy nhiên, bà vẫn động viên trẻ H về với ông D mỗi khi ông D đến đón. Chỉ có một lần duy nhất là khi ông D xuống đón trẻ H thì đúng ngày trẻ H bị sốt nên bà và mẹ của bà không cho ông D đưa cháu đi vì lo cho sức khỏe của cháu và có nói là để khi nào cháu khỏe thì sẽ cho ông D đón bé về chơi nhưng ông D cho rằng bà và gia đình bà cấm cản, không tạo điều kiện cho ông D thăm gặp con. Từ khi ly hôn thì bà và ông D hoàn toàn không có thỏa thuận, bàn bạc với nhau về phương án thăm gặp con, mặc dù bà rất muốn bàn bạc với ông D cách thức cụ thể khi thăm gặp con nhưng ông D không hợp tác với bà về vấn đề này. Khi nào ông D thích lên đón con thì ông D chỉ nhắn tin báo cho bà là sẽ đến đón con và bà phải xếp sắp để cho trẻ H đi theo ông D. Bà khẳng định từ sau khi ly hôn cho đến nay thì bà và cha mẹ của bà chưa bao giờ có ý định hay hành động nào ngăn cản ông D không được thăm gặp trẻ H.

Mặc dù, theo bản án ly hôn thì ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng việc cấp dưỡng thất thường có tháng có tháng không. Hơn hai năm nay ông D hoàn toàn không chu cấp tiền nuôi con. Từ ngày Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xong thì ông D có đến trường thăm trẻ H được 1,2 lần và sau đó ông D không đến thăm con nữa, cũng không điện thoại hỏi thăm con, bỏ mặc cháu H hai năm nay. Đến tháng 3/2022, khi bé đi học lại thì bà có nghe trẻ H nói lại với bà là thỉnh thoảng ông D có đến trường thăm trẻ H.

Ông D làm nghề xây dựng, thường xuyên đi công trình và sống một mình nên không có điều kiện chăm sóc con tốt. Còn việc ông D cho rằng rằng bé mọc không đều, mất thẩm mỹ và cho rằng đây là lý do bà chăm sóc con không tốt là không đúng vì bé đang tuổi dậy thì và đang tuổi thay răng nên răng mọc không đều cũng là chuyện bình thường. Bà cũng đưa bé đi nha sĩ nhưng bác sĩ nói là tuổi của bé hiện chưa niềng răng được. Hiện nay bà có chỗ ở ổn định, bà cũng đã mở đại lý bán vé máy bay online tại nhà và thu nhập trung bình mỗi tháng 50.000.000 đồng, bà có đủ điều kiện cả về thời gian và vật chất để chăm sóc con. Hiện trẻ H đang học trường tiểu học P là trường tốt của Quận 6, môi trường

học tập rất tốt và kết quả học tập của trẻ H rất tốt, bé H vẫn phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần.

Trước những yêu cầu của ông D đưa ra đối với bà thì bà có quan điểm như sau: Bà sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho ông D đến thăm gặp và đón con về chơi với ông D. Bà cũng sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để con bà được học ở trường tốt nhất nhưng không nhất thiết là cứ phải học ở trường Quốc tế. Bà đồng ý việc ông D đón bé về nhà ông D chơi nhưng bà muốn ông D đón bé và trả bé tại nhà chứ không muốn ông D đón bé và trả bé tại trường học vì như vậy trẻ H sẽ không có thời gian nghỉ ngơi và bé sẽ rất mệt.

Hiện nay, hai mẹ con bà sống chung với cha mẹ của bà, ngoài việc bà chăm sóc trẻ H thì trẻ H còn nhận được sự chăm sóc thêm từ ông bà ngoại. Bà và gia đình bà rất yêu thương và luôn dành những điều tốt đẹp cho bé H. Bà vẫn khẳng định là bà vẫn chăm sóc con tốt nên không đồng ý với yêu cầu thay đổi quyền nuôi con của ông D. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

-Tại bản tự khai ngày 13/01/2022 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang V trình bày: ông là ông ngoại của trẻ H. Từ sau khi con gái ông là chị T và anh D ly hôn với nhau thì ông rất ít khi gặp anh D, công việc của ông suốt ngày kinh doanh ngoài cửa hàng nên mỗi lần anh D đến đón trẻ H thì ông cũng không gặp anh D. Trong quá trình thăm con của anh D sau ly hôn thì ông và gia đình cụ thể là vợ của ông là bà Vũ Thị T không có ý định và hành động cấm cản anh D tới thăm bé. Duy chỉ có một lần hôm đó bé H bị bệnh anh D cứ đòi đưa bé về tỉnh B, vợ ông có nói bé đang ốm, anh tới chơi và gặp bé là được rồi nhưng anh D không đồng ý và tỏ thái độ không đúng với vợ của ông. Lúc đó em gái của bà T là Nguyễn Thị P đứng đó với có nói anh D nói chuyện như vậy là hỗn. Anh D có phản ứng nói là “tao sẽ kiện cả nhà mày”, sự việc chỉ có như vậy. Ông cam đoan gia đình ông hoàn toàn không hề cấm cản việc anh D đến thăm bé H. Hiện nay môi trường sống và học tập của cháu H rất tốt, mẹ cháu và ông bà ngoại của cháu đều rất yêu thương và lo cho bé. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét vẫn giao cho bé H cho bà T nuôi dưỡng.

- Tại bản tự khai ngày 24/02/2022 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T trình bày: bà là bà ngoại của trẻ H, trong quá trình thăm nuôi con của anh D bà và gia đình không hề có ý định cấm cản và luôn tạo điều kiện tốt cho ba cháu được thăm nuôi. Gần hai năm nay ba cháu không chu cấp, không thăm nom cháu. Môi trường học tập cũng như điều kiện tài chính của mẹ cháu, cũng như bên cạnh có ông bà chăm sóc cho cháu H rất tốt nên đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho mẹ cháu được quyền trực tiếp nuôi dạy cháu khôn lớn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng

các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: từ năm 2012 đến nay bà T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Gia H, đồng thời trẻ H, sinh năm: 2012 là con gái đang trong độ tuổi phát triển thể chất và tâm sinh lý nữ giới nên cần thiết sống gần gũi với mẹ sẽ tốt hơn cho cháu. Mặt khác, xét về điều kiện kinh tế, bà T đang kinh doanh tại nhà, có nguồn thu nhập ổn định, bên cạnh đó bà T sống chung với cha mẹ ruột luôn được sự hỗ trợ của ông bà trong việc chăm sóc trẻ H. Ông D cho rằng ông là giám đốc, ông đang sống một mình và còn phải làm việc. Như vậy, việc ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H là không tốt bằng bà T. Mặt khác, trẻ H có nguyện vọng được sống với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Ngày 25/4/2019 Tòa án nhân dân Quận 6 đã xét xử sơ thẩm vụ án “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D. Tại bản số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6 đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D. Do không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 6, ngày 02/5/2019 bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Tại bản án số 901/2019/HN-PT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/2021/HNGĐ-GĐT ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6 và hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số 901/2019/HN-PT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Tại bản án số 54/2013/HNGĐ-ST ngày 21/10/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh B đã quyết định giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày

06/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Theo như ông D trình bày thì từ khi ông và bà T ly hôn và bà T là người trực tiếp nuôi trẻ H thì bà T và gia đình bà T đã có hành vi cản trở, gây khó khăn mỗi khi ông đến thăm gặp trẻ H. Bà T thì cho rằng bà và gia đình của bà không có hành vi cản trở việc ông D thăm gặp con, cuối tuần ông D vẫn đón trẻ H về tỉnh B ở cùng với ông D. Chỉ có lần trẻ H bị sốt nên khi ông D đến đón trẻ về tỉnh B thì bà và mẹ của bà không cho đón bé đi mà có nói để khi nào bé H khỏe lại thì đến đón bé về nhưng ông D không đồng ý nên đôi bên có lời tiếng với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ sau khi bà T và ông D ly hôn từ năm 2012 cho đến nay thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ H. Trước thời điểm ông D khởi kiện ra Tòa án yêu cầu thay đổi quyền nuôi con thì ông D vẫn đến thăm và đón trẻ H về tỉnh B (nơi ông D sinh sống) vào cuối tuần điều này chứng tỏ bà T không có hành vi cản trở, cấm đoán trong việc ông D đến thăm gặp con. Tuy nhiên phương án đưa đón và giao trẻ cũng như lịch trình thăm gặp con thì giữa bà T và ông D chưa có sự bàn bạc thống nhất với nhau từ đó dẫn đến hai bên có sự tranh cãi và mâu thuẫn lẫn nhau. Ngoài ra, ông D cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh việc bà T cũng như gia đình bà T cản trở ông D thăm gặp trẻ H do đó không có cơ sở cho rằng bà T đã xâm phạm đến quyền của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được giải quyết khi *“Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*. Xét về điều kiện kinh tế thì hiện nay bà T mở đại lý bán vé máy bay online tại nhà, có công việc làm ổn định, có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Hiện nay bà T và trẻ H đang sống cùng với cha mẹ ruột của bà T được sự hỗ trợ của ông bà trong việc đưa đón trẻ H đi học, trẻ H được đi học ở môi trường tốt. Theo như chứng cứ của bà T cung cấp thì trẻ H có thành tích học tập rất tốt, trẻ phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông D cho rằng bà T và gia đình bà T nuôi dạy trẻ H không tốt ảnh hưởng đến việc phát triển về mặt tâm sinh lý của trẻ. Tuy nhiên, ông D không có chứng cứ chứng minh việc trẻ H khi ở chung với bà T thì trẻ H phát triển không tốt về thể chất và tinh thần cũng như không chứng minh được việc bà T không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 84 luật hôn nhân và gia đình thì *“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên”*. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 13/01/2022 trẻ Nguyễn Hoàng Gia H trình bày: *“Hiện nay con đang học lớp 4 tại trường Tiểu học P, từ trước đến nay con vẫn ở với mẹ, hằng ngày mẹ đưa đón đi học....Hiện nay mẹ con và con đang sống cùng ông bà ngoại. Mẹ vẫn thương con và chăm sóc tốt cho con. Con vẫn muốn tiếp tục được sống với mẹ”*.

Như vậy, trẻ H có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Mặt khác, trẻ H là con gái đang trong độ tuổi phát triển thể chất và tâm sinh lý nữ giới nên việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho trẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông D không được chấp nhận nên ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012302 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Tại công văn số 1273/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 về cung cấp kết quả thi hành án thì bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu số 11632 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Do yêu cầu khởi kiện của ông D không được Tòa án chấp nhận nên bà T được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Thanh D nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012302 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông Nguyễn Thanh D đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0011632 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn